

Số: 333/2025/CBTT-TVSI

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SGDCK VIỆT NAM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

- **Tên công ty chứng khoán:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
- **Mã chứng khoán (nếu có):** (Không)
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 17 tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** 024 3728 0921      **Fax:** 024 3728 0920      **Email:** contact@tvs.com.vn
- **Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Bích Vân
- **Fax:** 024 3728 0920
- **Loại thông tin công bố:**  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán; giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023 và giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ báo cáo kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.

Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/03/2025 tại đường dẫn: <https://www.tvs.com.vn/financial-report.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023
- Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ báo cáo kiểm toán năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

Người được ủy quyền công bố thông tin



**GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ**  
*Nguyễn Bích Vân*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 41

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Tầng 17, Tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Thành viên
Bà Tạ Thị Mai Hương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Cẩm Hạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/02/2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2024

**Ban Kiểm soát**

Bà Đặng Thị Minh Hạnh	Trưởng ban
Bà Đỗ Ngọc Hoàng Yến	Thành viên
Ông Trần Duy Hưng	Thành viên

**Kế toán trưởng**

Bà Phí Thị Bích Ngọc

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Cẩm Hạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 17, Tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Thị Cẩm Hạnh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Số: 190/2025/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/3/2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện khoảng 711 tỷ đồng (số đã trích lập tại 31/12/2023 khoảng 642,5 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm theo tổng giá trị các hợp đồng mua lại là hơn 10.002 tỷ đồng vì cho rằng: Việc vi phạm của Công ty thuộc trường hợp bất khả kháng theo quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp Công ty có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và Công ty chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không đánh giá được mức phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại tiềm tàng (nếu có) của Công ty cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Trong quá trình kinh doanh, Công ty thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại với các nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 31/12/2024 là trên 10.002 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là khoảng trên 16.491 tỷ đồng) (trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 10.002 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2024 là 16.062 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 9.580 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 9.580 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các nhà đầu tư là sẽ không thực hiện giao dịch này. Đồng thời, Công ty đang thực hiện đàm phán lại với các nhà đầu tư về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành. Tuy nhiên việc đàm phán này chưa có kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này. Do đó, các nhà đầu tư vẫn đang thực hiện các quyền sở hữu và quyền định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng; và số dư chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được. Tại ngày 31/12/2024, số dư tiền gửi của Công ty tại SCB không giao dịch được là khoảng 1.625,2 tỷ đồng, bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 888,6 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736,6 tỷ đồng; số dư chứng chỉ tiền gửi không giao dịch được của Công ty tại SCB là khoảng 29 tỷ đồng. Công ty đã gửi các văn bản đến các Cơ quan chức năng liên quan và SCB đề nghị khôi phục lại giao dịch các tài khoản của Công ty tại SCB để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng và SCB.



**Phạm Gia Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc  
GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

**Hoàng Thị Nga**  
Kiểm toán viên  
GCN ĐKHN kiểm toán số: 4079-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.005.594.771.497</b>	<b>3.972.551.282.518</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>3.999.967.574.913</b>	<b>3.967.328.724.460</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.872.553.813.578	1.940.920.298.451
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>1.857.553.813.578</i>	<i>1.940.920.298.451</i>
Các khoản tương đương tiền	111.2		15.000.000.000	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	1.734.065.835.867	1.829.091.767.926
Các khoản cho vay	114	8	408.445.226.758	214.395.265.269
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(16.794.471.751)	(19.268.756.008)
Các khoản phải thu	117	9	89.453.877	58.221.000
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>89.453.877</i>	<i>58.221.000</i>
Trả trước cho người bán	118	9	2.390.473.923	1.893.854.830
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	3.291.505.151	3.398.137.990
Các khoản phải thu khác	122	9	31.361.114.780	31.345.312.272
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(35.435.377.270)	(34.505.377.270)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>5.627.196.584</b>	<b>5.222.558.058</b>
Tạm ứng	131		356.554.614	292.356.714
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		1.002.148.627	1.002.468.258
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	4.268.493.343	3.927.733.086
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.028.062.612</b>	<b>54.910.702.266</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.869.212.267</b>	<b>20.554.782.578</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.947.277.184	15.206.059.483
- Nguyên giá	222		54.205.627.091	54.618.506.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(50.258.349.907)	(39.412.447.098)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.921.935.083	5.348.723.095
- Nguyên giá	228		27.998.146.912	27.998.146.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(26.076.211.829)	(22.649.423.817)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>24.158.850.345</b>	<b>34.355.919.688</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.665.196.300	2.232.349.555
Chi phí trả trước dài hạn	252	11	266.535.045	140.350.790
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	21.227.119.000	21.896.677.186
Tài sản dài hạn khác	255		-	10.086.542.157
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.035.622.834.109</b>	<b>4.027.461.984.784</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>819.008.751.642</b>	<b>742.371.998.114</b>
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>805.298.221.068</b>	<b>738.451.621.047</b>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	33.491.220.485	34.300.837.466
Phải trả người bán ngắn hạn	320		414.909.000	260.602.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.434.000.000	1.549.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	4.627.508.247	5.766.716.348
Phải trả người lao động	323		11.402.512.567	10.602.252.407
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		851.375.651	108.522.347
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	15.632.986.212	16.232.317.495
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		362.132.521	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	717.184.577.766	649.733.874.195
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		19.896.998.619	19.896.998.619
<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>13.710.530.574</b>	<b>3.920.377.067</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	13.710.530.574	3.920.377.067
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.216.614.082.467</b>	<b>3.285.089.986.670</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>3.216.614.082.467</b>	<b>3.285.089.986.670</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	417		517.460.315.553	585.936.219.756
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		494.070.858.854	601.972.312.817
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		23.389.456.699	(16.036.093.061)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>4.035.622.834.109</b>	<b>4.027.461.984.784</b>

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
Ngoại tệ các loại	005		147,37	160,57
Cổ phiếu đang lưu hành	006		263.900.000	263.900.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	21.245.940.000	20.475.280.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			2.580.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	1.497.088.140.000	1.617.700.530.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		40.000.000	-
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23	4.349.622.310.000	4.964.500.220.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.842.052.240.000	4.278.486.580.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		62.234.600.000	62.634.310.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		410.745.170.000	580.396.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		21.882.520.000	21.881.670.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		12.707.780.000	21.101.340.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	27.367.930.000	28.256.880.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		27.352.930.000	28.241.880.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		15.000.000	15.000.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	25	12.010.470.000	20.351.250.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	26	9.700.290.000	53.806.970.000
Tiền gửi của khách hàng	026	27	262.446.537.338	267.792.856.114
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		261.246.406.129	232.488.057.241
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		1.200.131.209	35.304.798.873
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		135.394.283	28.304.190.006
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.064.736.926	7.000.608.867
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	262.446.537.338	267.792.856.114

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phạm Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		95.908.625.548	97.566.110.934
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	29	1.561.979.711	966.954.608
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.2	30	41.965.844.938	15.397.796.626
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	31	52.380.800.899	81.201.359.700
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	31.232.877	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	33.479.565.248	31.696.100.481
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		30.971.152.381	39.739.987.134
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		7.041.232.132	29.579.130.363
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		943.636.362	3.490.409.081
Thu nhập hoạt động khác	11		2.008.485	175.834.958
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>168.377.453.033</b>	<b>202.247.572.951</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		22.028.912.087	5.554.489.136
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	21.1	29	29.278.770.416	10.445.879.403
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	30	(7.249.858.329)	(4.891.390.267)
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(1.544.284.257)	1.193.966.583
Chi phí hoạt động tự doanh	26		6.896.902	363.039.081
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	32	101.863.194.627	123.517.012.175
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	32	1.578.870.253	2.794.468.668
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	32	3.990.850.791	5.518.180.865
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>127.924.440.403</b>	<b>138.941.156.508</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	33	2.509.626.534	11.765.239.596
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>2.509.626.534</b>	<b>11.765.239.596</b>
Chi phí bán hàng	61	34	10.415.531.278	31.483.377.012
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	35	91.087.590.050	441.639.398.123
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>70</b>		<b>(58.540.482.164)</b>	<b>(398.051.119.096)</b>






**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập khác và chi phí khác</b>				
Thu nhập khác	71		182.453.961	5.177.617.823
Chi phí khác	72		322.840.893	1.471.226.996
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(140.386.932)</b>	<b>3.706.390.827</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90</b>		<b>(58.680.869.096)</b>	<b>(394.344.728.269)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(107.896.572.363)	(414.633.915.162)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		49.215.703.267	20.289.186.893
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>100</b>		<b>9.795.035.107</b>	<b>3.576.363.837</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	36	4.881.600	510.353.506
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	37	9.790.153.507	3.066.010.331
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>200</b>		<b>(68.475.904.203)</b>	<b>(397.921.092.106)</b>
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	38	(259)	(1.508)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(259)	(1.508)

  
Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

  
Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(58.680.869.096)	(394.344.728.269)
Điều chỉnh cho các khoản:	02		13.198.412.739	(17.843.159.953)
- Khấu hao TSCĐ	03		14.742.696.996	16.821.618.908
- Các khoản dự phòng	04		(1.544.284.257)	(34.664.778.861)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(7.249.858.329)	(4.891.390.267)
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(7.249.858.329)	(4.891.390.267)
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(41.965.844.938)	(15.397.796.626)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(41.965.844.938)	(15.397.796.626)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	30		26.462.316.933	445.947.237.301
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		144.241.635.326	86.448.205.390
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(194.049.961.489)	148.272.145.855
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(31.232.877)	213.364.800
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		106.632.839	420.136.202
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(15.802.508)	88.803.420
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		9.599.560.292	(1.133.646.013)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(599.331.283)	(1.770.350.647)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(466.944.512)	2.571.209.444
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(510.751.106)	(86.018.003.438)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(655.310.151)	(1.787.118.928)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		742.853.304	(964.987.120)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(633.338.595)	(19.375.226.925)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		800.260.160	(10.225.597.429)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		67.697.336.092	368.337.048.962
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		3.433.415.441	1.579.369.680
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(3.196.704.000)	(40.708.115.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(68.235.842.691)	13.470.162.186
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(216.324.000)	(45.980.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		85.681.818	681.818.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(130.642.182)	635.838.181
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(40.493.000.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(40.493.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	(40.493.000.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(68.366.484.873)	(26.386.999.633)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		1.940.920.298.451	1.967.307.298.084
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	5	1.872.553.813.578	1.940.920.298.451

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		7.798.244.151.690	10.089.642.349.340
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(6.582.494.096.730)	(6.954.549.557.720)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		8.826.532.555.691	10.138.668.757.344
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(10.045.046.849.624)	(13.460.998.507.276)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(2.582.079.803)	(3.171.104.304)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		6.126.799.415.956	4.596.880.330.080
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(6.126.799.415.956)	(4.596.880.330.080)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>		<b>(5.346.318.776)</b>	<b>(190.408.062.616)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>267.792.856.114</b>	<b>458.200.918.730</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		267.792.856.114	458.200.918.730
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		232.488.057.241	458.071.694.871
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		35.304.798.873	129.223.859
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>262.446.537.338</b>	<b>267.792.856.114</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41			
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42		261.246.406.129	232.488.057.241
Trong đó có kỳ hạn:				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		1.200.131.209	35.304.798.873

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phù Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2023	Tại 01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000	-	-	-	-	2.639.000.000.000	2.639.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25.576.883.457	25.576.883.457	-	-	-	-	25.576.883.457	25.576.883.457
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	34.576.883.457	34.576.883.457	-	-	-	-	34.576.883.457	34.576.883.457
Lợi nhuận chưa phân phối	983.857.311.862	585.936.219.756	17.223.176.562	415.144.268.668	39.425.549.760	107.901.453.963	585.936.219.756	517.460.315.553
- Lợi nhuận đã thực hiện	1.017.116.581.485	601.972.312.817	-	415.144.268.668	-	107.901.453.963	601.972.312.817	494.070.858.854
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(33.259.269.623)	(16.036.093.061)	17.223.176.562	-	39.425.549.760	-	(16.036.093.061)	23.389.456.699
<b>Cộng</b>	<b>3.683.011.078.776</b>	<b>3.285.089.986.670</b>	<b>17.223.176.562</b>	<b>415.144.268.668</b>	<b>39.425.549.760</b>	<b>107.901.453.963</b>	<b>3.285.089.986.670</b>	<b>3.216.614.082.467</b>

Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu

Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102117529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 18/12/2024. Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.639.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 222 người (tại ngày 01/01/2024 là 264 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 17, Tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Chi nhánh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tân Việt	Tầng 17 Tòa nhà VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Ngọc Khánh (*)	Tầng 9, số 01 Phạm Huy Thông, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 1 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Đà Nẵng	115 Lê Lợi, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn (**)	Số 84 Diên Hồng, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3-4-5, 66 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

(\*): Đóng cửa năm 2024 theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại Quyết định số 145/QĐ-UBCK ngày 05/02/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Ngọc Khánh của TVSI.

(\*\*): Đóng cửa năm 2024 theo Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐQT ngày 02/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại Quyết định số 669/QĐ-UBCK ngày 18/06/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đóng cửa Chi nhánh Quy Nhơn của TVSI.

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**Hoạt động chính**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 47/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty đã rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh. Ngày 16 tháng 12 năm 2024, Ủy ban chứng khoán Nhà nước ra quyết định số 1397/QĐ-UBCK về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh công ty chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)****Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)**

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu**

Trong quá trình kinh doanh trái phiếu, nếu xảy ra sự kiện vi phạm cam kết của Công ty đối với khách hàng, Công ty sẽ căn cứ vào cam kết tại các hợp đồng liên quan và tình hình thực tế trong quá khứ giải quyết các tranh chấp để tính toán giá trị rủi ro cần lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Dự phòng rủi ro kinh doanh trái phiếu (tiếp)**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang bị phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng dẫn đến việc không thực hiện được các Hợp đồng mua trái phiếu đến hạn, cũng như bị gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty cho rằng đây là một trong những sự kiện bất khả kháng đã được quy định trong hợp đồng mua bán Trái phiếu. Đồng thời để giải quyết các tranh chấp (nếu có) đối với các nhà đầu tư có thể sẽ kéo dài Công ty chỉ trích lập dự phòng ở mức độ 89% giá trị tối đa mức phạt vi phạm hợp đồng đã ký kết. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bởi các cơ quan có thẩm quyền, Công ty sẽ ghi nhận tổn thất theo giá trị thực tế phát sinh.

Thực tế, trong thời gian qua Công ty đã thực hiện đàm phán và xử lý với các nhà đầu tư về xử lý các tranh chấp tương tự với tổng mệnh giá các trái phiếu khoảng 20.468 tỷ đồng mà không phát sinh chi phí phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường. Do đó, Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng nêu trên đã xem xét đến tính thận trọng trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.

**Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh**

Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được quy định tại Thông tư số 58/2021/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ Tài chính ban hành, theo đó:

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Trung tâm Lưu ký chứng khoán sau khi được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản vay và phát hành trái phiếu**

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trước khi phát sinh.

**Doanh thu****• Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

**• Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Doanh thu (tiếp)*****Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

**• *Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

***Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

**• *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:***

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**• *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:***

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

***Thu nhập hoạt động khác:***

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

**Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Thuế (tiếp)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.856.024.021.862	1.939.869.388.153
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.529.791.716	1.050.910.298
Tương đương tiền	15.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.872.553.813.578</b>	<b>1.940.920.298.451</b>

Từ năm 2022, số dư tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng không giao dịch được. Tại ngày 31/12/2024, số dư tiền gửi của Công ty tại SCB là khoảng 1.625,2 tỷ đồng bao gồm tiền gửi nhà đầu tư phục vụ nhu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán khoảng 888,6 tỷ đồng và tiền gửi của Công ty phục vụ các nghĩa vụ thanh toán khác cho khách hàng khoảng 736,6 tỷ đồng. Công ty đã gửi các văn bản đến các Cơ quan chức năng liên quan và SCB đề nghị khôi phục lại giao dịch các tài khoản của Công ty mở tại SCB để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan chức năng và SCB.

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
<b>Năm 2024</b>		
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>7.879.433</b>	<b>661.353.374.413</b>
- Cổ phiếu	1.151.209	35.751.080.000
- Trái phiếu	6.728.224	625.602.294.413
- Chứng chỉ quỹ	-	-
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>845.650.256</b>	<b>24.164.447.643.839</b>
- Cổ phiếu	782.286.620	18.040.793.105.490
- Trái phiếu	63.363.636	6.123.654.538.349
<b>Cộng</b>	<b>853.529.689</b>	<b>24.825.801.018.252</b>
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
<b>Năm 2023</b>		
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>10.796.201</b>	<b>823.488.356.319</b>
- Cổ phiếu	497.677	9.112.828.070
- Trái phiếu	7.798.524	791.329.784.749
- Chứng chỉ quỹ	2.500.000	23.045.743.500
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>1.379.162.481</b>	<b>26.312.208.201.085</b>
- Cổ phiếu	1.330.312.267	21.510.358.764.670
- Trái phiếu	48.850.214	4.801.849.436.415
<b>Cộng</b>	<b>1.389.958.682</b>	<b>27.135.696.557.404</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)****Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản FVTPL</b>	<b>1.696.965.848.594</b>	<b>1.734.065.835.867</b>	<b>1.841.207.483.920</b>	<b>1.829.091.767.926</b>
Cổ phiếu	176.204.733.155	231.457.320.428	172.468.098.574	178.504.982.580
+ Cổ phiếu niêm yết	72.047.315.935	137.759.982.700	62.714.314.478	87.373.120.574
+ Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	104.157.417.220	93.697.337.728	109.753.784.096	91.131.862.006
Trái phiếu	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505
+ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505
Chứng chỉ tiền gửi (***)	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.696.965.848.594</b>	<b>1.734.065.835.867</b>	<b>1.841.207.483.920</b>	<b>1.829.091.767.926</b>

(\*) Bao gồm: 10% phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt tại Công ty TNHH bảo hiểm FWD Việt Nam với giá trị ghi sổ là 101.728.727.975 đồng bị kê biên để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho vụ án (Theo Bản án hình sự sơ thẩm giai đoạn 2 Vụ án Vạn Thịnh Phát số 504 ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 28/10/2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo phân xử lý vật chứng và tài sản thu giữ, kê biên, phong tỏa đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm lập báo cáo này, Vụ án chưa được xét xử phúc thẩm.

(\*\*) Đến thời điểm lập báo cáo này trong số trái phiếu Công ty nắm giữ bao gồm các khoản trái phiếu quá hạn thanh toán lãi với giá trị gốc trái phiếu khoảng 1.090 tỷ đồng. Các trái phiếu này đều có tài sản đảm bảo và Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi nên chưa trích lập dự phòng đối với các trái phiếu này.

(\*\*\*) Khoản chứng chỉ tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) không giao dịch được (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 5).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)**

**Bảng tình hình biến động giá thị trường của tài sản tài chính**

STT	Chi tiêu	Tại 31/12/2024				Tại 01/01/2024					
		Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
I	Tài sản FVTPL	1.696.965.848.594	1.734.065.835.867	73.150.582.655	36.050.595.382	1.734.065.835.867	1.841.207.483.920	1.829.091.767.926	31.184.737.717	43.300.453.711	1.829.091.767.926
	+ Cổ phiếu	176.204.733.155	231.457.320.428	73.150.582.655	17.897.995.382	231.457.320.428	172.468.098.574	178.504.982.580	31.184.737.717	25.147.853.711	178.504.982.580
	+ Chứng chỉ tiền gửi	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841	29.371.785.841	29.371.785.841	-	-	29.371.785.841
	+ Trái phiếu chưa niêm yết	1.491.389.329.598	1.473.236.729.598	-	18.152.600.000	1.473.236.729.598	1.639.367.599.505	1.621.214.999.505	-	18.152.600.000	1.621.214.999.505
II	Các khoản cho vay và phải thu	408.445.226.758	391.650.755.007	-	16.794.471.751	391.650.755.007	214.395.265.269	195.126.509.261	-	19.268.756.008	195.126.509.261
	+ Cho vay hoạt động Margin	394.384.596.026	377.590.124.275	-	16.794.471.751	377.590.124.275	203.598.453.000	184.329.696.992	-	19.268.756.008	184.329.696.992
	+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	14.060.626.615	14.060.626.615	-	-	14.060.626.615	10.796.808.152	10.796.808.152	-	-	10.796.808.152
	+ Cho vay quyền mua CK	4.117	4.117	-	-	4.117	4.117	4.117	-	-	4.117
	<b>Cộng</b>	<b>2.105.411.075.352</b>	<b>2.125.716.590.874</b>	<b>73.150.582.655</b>	<b>52.845.067.133</b>	<b>2.125.716.590.874</b>	<b>2.055.602.749.189</b>	<b>2.024.218.277.187</b>	<b>31.184.737.717</b>	<b>62.569.209.719</b>	<b>2.024.218.277.187</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CÁC KHOẢN CHO VAY**

Chi tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin)	394.384.596.026	377.590.124.275	203.598.453.000	184.329.696.992
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	14.060.626.615	14.060.626.615	10.796.808.152	10.796.808.152
+ Cho vay quyền mua chứng khoán	4.117	4.117	4.117	4.117
<b>Cộng</b>	<b>408.445.226.758</b>	<b>391.650.755.007</b>	<b>214.395.265.269</b>	<b>195.126.509.261</b>

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 31/12/2024 là 16.794.471.751 VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.268.756.008 VND).

(i): *Hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư:*

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25/01/2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty tính làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31/12/2024 là 889.919.632.656 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 674.817.249.466 đồng).

(ii): *Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán:*

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch (“ứng tiền ngày T”) và ngày T+1, hoặc theo quy định tại phụ lục hợp đồng trái phiếu. Các khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả vào ngày T+2 và thực hiện theo điều khoản của hợp đồng.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>	<b>89.453.877</b>	<b>58.221.000</b>
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	58.221.000	58.221.000
Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	31.232.877	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>2.390.473.923</b>	<b>1.893.854.830</b>
Trả trước cho người bán khác	2.390.473.923	1.893.854.830
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>929.620.330</i>	<i>929.620.330</i>
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>3.291.505.151</b>	<b>3.398.137.990</b>
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	3.100.000.000	3.100.000.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	55.242.379	82.375.218
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	91.262.772	215.762.772
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	45.000.000	-
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	<i>3.191.262.772</i>	<i>3.191.262.772</i>
<b>Phải thu khác</b>	<b>31.361.114.780</b>	<b>31.345.312.272</b>
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	31.311.725.445
Các khoản phải thu khác	49.389.335	33.586.827
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi</i>	<i>31.314.494.168</i>	<i>31.314.494.168</i>
<b>Cộng</b>	<b>37.132.547.731</b>	<b>36.695.526.092</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2024			
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
		VND	VND	VND	VND
<b>1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>3.191.262.772</b>	<b>930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.191.262.772</b>	<b>2.261.262.772</b>
Công ty CP Du lịch và Đầu tư Xây dựng Châu Á	3.100.000.000	930.000.000	-	3.100.000.000	2.170.000.000
Công ty CP Khanhcasa Concep	55.000.000	-	-	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
<b>2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán</b>	<b>929.620.330</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>929.620.330</b>	<b>929.620.330</b>
Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	885.064.050	-	-	885.064.050	885.064.050
Công ty TNHH Quảng Cáo Đức Hùng	34.160.280	-	-	34.160.280	34.160.280
Golden Phoenix Media JSC	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Minh	5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
<b>3. Dự phòng các khoản phải thu khác</b>	<b>31.314.494.168</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.314.494.168</b>	<b>31.314.494.168</b>
Ông Nguyễn Minh Dương	31.311.725.445	-	-	31.311.725.445	31.311.725.445
Đối tượng khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
<b>Cộng</b>	<b>35.435.377.270</b>	<b>930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.435.377.270</b>	<b>34.505.377.270</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>4.268.493.343</b>	<b>3.927.733.086</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.029.161	70.424.192
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	1.244.956.261	494.494.133
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.989.507.921	3.362.814.761
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>266.535.045</b>	<b>140.350.790</b>
Chi phí trả trước dài hạn khác	266.535.045	140.350.790
<b>Cộng</b>	<b>4.535.028.388</b>	<b>4.068.083.876</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2024	27.998.146.912	27.998.146.912
Tại 31/12/2024	27.998.146.912	27.998.146.912
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Tại 01/01/2024	22.649.423.817	22.649.423.817
Khấu hao trong năm	3.426.788.012	3.426.788.012
Tại 31/12/2024	26.076.211.829	26.076.211.829
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2024	5.348.723.095	5.348.723.095
Tại 31/12/2024	1.921.935.083	1.921.935.083

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 19.834.350.962 VND (tại ngày 01/01/2024 là 17.151.406.199 VND)

**13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền nợ ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nợ bổ sung	13.798.702.399	13.798.702.399
Tiền lãi phân bổ hàng năm	7.303.927.357	7.973.485.543
<b>Cộng</b>	<b>21.227.119.000</b>	<b>21.896.677.186</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2024	52.619.847.277	1.815.342.400	138.639.404	44.677.500	54.618.506.581
Mua trong năm	216.324.000	-	-	-	216.324.000
Thanh lý, nhượng bán	(583.703.490)	-	(45.500.000)	-	(629.203.490)
<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>52.252.467.787</b>	<b>1.815.342.400</b>	<b>93.139.404</b>	<b>44.677.500</b>	<b>54.205.627.091</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2024	37.830.948.175	1.438.626.459	98.194.964	44.677.500	39.412.447.098
Khấu hao trong năm	11.023.417.891	276.060.536	16.430.557	-	11.315.908.984
Thanh lý, nhượng bán	(443.464.506)	-	(26.541.669)	-	(470.006.175)
<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>48.410.901.560</b>	<b>1.714.686.995</b>	<b>88.083.852</b>	<b>44.677.500</b>	<b>50.258.349.907</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	14.788.899.102	376.715.941	40.444.440	-	15.206.059.483
Tại 31/12/2024	3.841.566.227	100.655.405	5.055.552	-	3.947.277.184

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 34.180.957.491VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.622.301.646 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	266.176.411	273.710.267
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	396.915.544	998.850.526
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	32.828.128.530	33.028.276.673
<b>Cộng</b>	<b>33.491.220.485</b>	<b>34.300.837.466</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	38.126.789	110.373.997	129.414.996	19.085.790
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	505.869.506	732.018.339	510.751.106	727.136.739
- Thuế thu nhập cá nhân	5.222.720.053	94.041.518.364	95.391.645.274	3.872.593.143
- Các loại thuế khác	-	11.859.241	3.166.666	8.692.575
<b>Cộng</b>	<b>5.766.716.348</b>	<b>94.895.769.941</b>	<b>96.034.978.042</b>	<b>4.627.508.247</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Hoa hồng hợp tác phải trả SCB	14.693.833.732	14.693.833.732
Chi phí phải trả khác	939.152.480	1.538.483.763
<b>Cộng</b>	<b>15.632.986.212</b>	<b>16.232.317.495</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.070.275.087	3.869.644.340
Dự phòng phải trả các hợp đồng mua lại trái phiếu	710.998.047.900	642.515.620.000
Phải trả khác	2.116.254.779	3.348.609.855
<b>Cộng</b>	<b>717.184.577.766</b>	<b>649.733.874.195</b>

**19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	13.710.530.574	3.920.377.067
<b>Cộng</b>	<b>13.710.530.574</b>	<b>3.920.377.067</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**Tầng 17, tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh,  
Phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	983.857.311.862	3.683.011.078.776
- Lỗ trong năm	-	-	-	(397.921.092.106)	(397.921.092.106)
31/12/2023	<u>2.639.000.000.000</u>	<u>25.576.883.457</u>	<u>34.576.883.457</u>	<u>585.936.219.756</u>	<u>3.285.089.986.670</u>
01/01/2024	2.639.000.000.000	25.576.883.457	34.576.883.457	585.936.219.756	3.285.089.986.670
- Lỗ trong năm	-	-	-	(68.475.904.203)	(68.475.904.203)
31/12/2024	<u>2.639.000.000.000</u>	<u>25.576.883.457</u>	<u>34.576.883.457</u>	<u>517.460.315.553</u>	<u>3.216.614.082.467</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****Chi tiết về vốn chủ sở hữu**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Future Horizon (*)	252.125.000.000	252.125.000.000
Công ty CP Lumiform (*)	251.910.000.000	251.910.000.000
Công ty CP Minerva (*)	251.700.000.000	251.700.000.000
Công ty CP Minerva Heritage (*)	251.100.000.000	251.100.000.000
Ông Hồ Vĩnh Ni (*)	250.879.110.000	250.879.110.000
Bà Lâm Thị Hoà (*)	250.750.000.000	250.750.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Hạnh (*)	249.045.910.000	249.045.910.000
Bà Lâm Thị Thanh Tâm (*)	245.932.390.000	245.932.390.000
Bà Phan Thị Thanh Lan (*)	222.220.890.000	222.220.890.000
Ông Vương Quang Huy (*)	190.182.500.000	190.182.500.000
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	65.652.590.000	65.652.590.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	87.355.500.000	87.355.500.000
Các cổ đông khác	70.146.110.000	70.146.110.000
	<b>2.639.000.000.000</b>	<b>2.639.000.000.000</b>

(\*) Các cổ phiếu đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho vụ án (Theo Bản án hình sự sơ thẩm giai đoạn 2 Vụ án Vạn Thịnh Phát số 504 ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) là toàn bộ số lượng cổ phần đứng tên với tổng số lượng cổ phiếu là 241.584.580 cổ phiếu.:

Ngày 28/10/2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo phần xử lý vật chứng và tài sản thu giữ, kê biên, phong tỏa đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm lập báo cáo này, Vụ án chưa được xét xử phúc thẩm.

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:**

	<b>Tại 31/12/2024</b>	<b>Tại 01/01/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	263.900.000	263.900.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>263.900.000</b>	<b>263.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>263.900.000</b>	<b>263.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	263.900.000	263.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	21.245.940.000	20.475.280.000
<b>Cộng</b>	<b>21.245.940.000</b>	<b>20.475.280.000</b>

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	1.497.088.140.000	1.617.700.530.000
<b>Cộng</b>	<b>1.497.088.140.000</b>	<b>1.617.700.530.000</b>

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.842.052.240.000	4.278.486.580.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	62.234.600.000	62.634.310.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	410.745.170.000	580.396.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	21.882.520.000	21.881.670.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.707.780.000	21.101.340.000
<b>Cộng</b>	<b>4.349.622.310.000</b>	<b>4.964.500.220.000</b>

**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	27.352.930.000	28.241.880.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.367.930.000</b>	<b>28.256.880.000</b>

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	12.010.470.000	20.351.250.000
<b>Cộng</b>	<b>12.010.470.000</b>	<b>20.351.250.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	9.700.290.000	53.806.970.000
<b>Cộng</b>	<b>9.700.290.000</b>	<b>53.806.970.000</b>

**27. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	261.246.406.129	232.488.057.241
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.200.131.209	35.304.798.873
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	135.394.283	28.304.190.006
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.064.736.926	7.000.608.867
<b>Cộng</b>	<b>262.446.537.338</b>	<b>267.792.856.114</b>

**28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ**

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	262.446.537.338	267.792.856.114
<b>Cộng</b>	<b>262.446.537.338</b>	<b>267.792.856.114</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**Tầng 17, tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh,  
Phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2024	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm 2023
	CK	VND	VND	VND	VND
<b>Lãi bán</b>					
Cổ phiếu niêm yết	199.000	12.860.120.000	12.452.635.419	407.484.581	760.323.067
Cổ phiếu chưa niêm yết	240.000	2.709.540.000	1.706.720.000	1.002.820.000	
Giấy tờ có giá	-	-	-	-	140.914.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.194.620	120.111.497.195	119.959.822.065	151.675.130	65.717.541
<b>Cộng</b>	<b>1.633.620</b>	<b>135.681.157.195</b>	<b>134.119.177.484</b>	<b>1.561.979.711</b>	<b>966.954.608</b>
<b>Lỗ bán</b>					
Cổ phiếu niêm yết	91.000	1.142.050.000	1.143.380.000	(1.330.000)	(631.098.821)
Giấy tờ có giá	-	-	-	-	(2.095.170.500)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	2.772.574	252.115.902.322	281.393.342.738	(29.277.440.416)	(7.719.610.082)
<b>Cộng</b>	<b>2.863.574</b>	<b>253.257.952.322</b>	<b>282.536.722.738</b>	<b>(29.278.770.416)</b>	<b>(10.445.879.403)</b>

Lãi/lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính FVTPL bao gồm 2 phần chính là:

Nội dung	Lợi nhuận	
	Năm 2024	Năm 2023
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL (bao gồm cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản tài chính này)	52.380.800.899	81.201.359.700
Lãi/lỗ thuần từ bán tài sản tài chính FVTPL	(27.716.790.705)	(9.478.924.795)
<b>Tổng Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh TSTC FVTPL</b>	<b>24.664.010.194</b>	<b>71.722.434.905</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Tầng 17, tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh,  
 Phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm VND	Chênh lệch giảm đánh giá lại trong năm VND
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu</b>	<b>176.204.733.155</b>	<b>231.457.320.428</b>	<b>41.965.844.938</b>	<b>(7.249.858.329)</b>
1	Cổ phiếu niêm yết	72.047.315.935	137.759.982.700	40.788.924.938	(264.935.731)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	104.157.417.220	93.697.337.728	1.176.920.000	(6.984.922.598)
<b>II</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>1.491.389.329.598</b>	<b>1.491.389.329.598</b>	-	-
1	Trái phiếu chưa niêm yết	1.491.389.329.598	1.491.389.329.598	-	-
<b>III</b>	<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>29.371.785.841</b>	<b>29.371.785.841</b>	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.696.965.848.594</b>	<b>1.752.218.435.867</b>	<b>41.965.844.938</b>	<b>(7.249.858.329)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	3.072.097.700	2.349.646.100
Từ tài sản tài chính FVTPL (tiền lãi trái phiếu)	49.308.703.199	78.851.713.600
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	31.232.877	-
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	33.479.565.248	31.696.100.481
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.891.599.024</b>	<b>112.897.460.181</b>

**32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	101.863.194.627	123.517.012.175
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.578.870.253	2.794.468.668
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	3.990.850.791	5.518.180.865
Chi phí dịch vụ khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>107.432.915.671</b>	<b>131.829.661.708</b>

**33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	2.509.626.534	11.765.239.596
<b>Cộng</b>	<b>2.509.626.534</b>	<b>11.765.239.596</b>

**34. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng (*)	10.415.531.278	31.483.377.012
<b>Cộng</b>	<b>10.415.531.278</b>	<b>31.483.377.012</b>

(\*): Là các chi phí hoa hồng môi giới và chi phí phát triển thị trường.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	14.322.937.663	(17.375.437.809)
Chi phí vật tư văn phòng	921.511.030	1.130.158.130
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.425.086	224.085.885
Chi phí khấu hao TSCĐ	151.918.336	167.944.473
Chi phí thuế, phí và lệ phí	109.348.429	328.346.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.967.570.240	8.880.926.152
Dự phòng phải trả hợp đồng trái phiếu	68.482.427.900	447.413.140.000
Chi phí bằng tiền khác	1.071.451.366	870.234.912
<b>Cộng</b>	<b>91.087.590.050</b>	<b>441.639.398.123</b>

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.680.869.096)	(394.344.728.269)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	14.954.383.580	396.896.495.796
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.648.374.978	448.443.313.742
Thù lao HĐQT không chuyên trách	144.000.000	144.000.000
Chi phí dự phòng các hợp đồng mua lại trái phiếu	68.482.427.900	447.413.140.000
Chi phí không được trừ	21.947.078	886.173.742
- Các khoản điều chỉnh giảm	(53.693.991.398)	(51.546.817.946)
Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	(49.215.703.267)	(20.289.186.893)
Cổ tức nhận được	(3.072.097.700)	(2.349.646.100)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	264.935.731	4.959.135.338
Chi phí dự phòng	(1.671.126.162)	(33.867.120.291)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(43.726.485.516)</b>	<b>2.551.767.527</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Truy thu thuế TNDN năm 2022	4.881.600	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm	4.881.600	510.353.506
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.881.600</b>	<b>510.353.506</b>

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	9.790.153.507	3.066.010.331
<b>Cộng</b>	<b>9.790.153.507</b>	<b>3.066.010.331</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**38. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(68.395.704.203)	(397.921.092.106)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	263.900.000	263.900.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(259)</b>	<b>(1.508)</b>

**39. CÁC CAM KẾT, KINH DOANH TRÁI PHIẾU**

Thuê hoạt động là các khoản thuê Văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2024 là 10.921.458.446 VND (năm trước là 14.659.106.822 VND).

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động thanh toán như sau:

	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	11.140.839.750	8.046.432.152
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	28.789.328.750	28.418.492.010
<b>Cộng</b>	<b>39.930.168.500</b>	<b>36.464.924.162</b>

Hoạt động mua lại Trái phiếu: Công ty có thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (“Trái phiếu”) từ các tổ chức phát hành và các nhà đầu tư sau đó mua đi bán lại. Sau đó, Công ty đã ký hợp đồng mua lại một số Trái phiếu đã bán với các nhà đầu tư theo một mức giá xác định vào một ngày xác định trong tương lai. Khi bán và mua lại Trái phiếu với nhà đầu tư, Công ty đang ghi nhận như hoạt động tự doanh. Tổng mệnh giá các Trái phiếu Công ty đã ký Hợp đồng mua lại đến ngày 31/12/2024 là trên 10.002 tỷ đồng (tại 01/01/2024 là khoảng trên 16.491 tỷ đồng trong đó số đã đến hạn thanh toán tại ngày 31/12/2024 mà chưa thanh toán được khoảng hơn 10.002 tỷ đồng, số đã đến hạn thanh toán tại ngày 01/01/2024 là 16.062 tỷ đồng). Đến thời điểm lập báo cáo này, tổng mệnh giá trái phiếu Công ty đã ký hợp đồng mua lại còn khoảng 9.580 tỷ đồng (trong đó số đã đến hạn thanh toán mà chưa thanh toán được khoảng 9.580 tỷ đồng). Tuy nhiên, hiện nay, Công ty không thực hiện được việc thanh toán cho Bên chuyển nhượng và gửi thông báo đến các Bên chuyển nhượng là sẽ không thực hiện giao dịch này. Đồng thời, Công ty đang thực hiện đàm phán lại với các Bên chuyển nhượng về việc hủy hợp đồng mua lại hoặc gia hạn thời gian mua lại Trái phiếu tương ứng với thời gian đáo hạn Trái phiếu của Tổ chức phát hành. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán này chưa đạt được kết quả cụ thể. Công ty không ghi nhận các khoản trái phiếu nêu trên vào báo cáo tài chính này. Do đó, các nhà đầu tư vẫn đang duy trì các quyền sở hữu và quyền định đoạt của trái chủ đối với số trái phiếu này.

**40. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	3.676.830.237	6.555.214.220
Thù lao Hội đồng Quản trị	408.000.000	456.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.084.830.237</b>	<b>7.011.214.220</b>

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Minh Tiến  
Người lập biểu



Phí Thị Bích Ngọc  
Kế toán trưởng



Trần Thị Cẩm Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Y  
N  
O  
Á  
I  
T  
P  
H

Y  
N  
O  
Á  
I  
T  
P  
H



Số: 329/2025/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế  
năm 2024 so với năm 2023)

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 thay đổi hơn 10% so với năm trước:

Nội dung	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	Biến động (%)
Doanh Thu	171.069.533.528	219.190.430.370	-48.120.896.842	-21,95%
Chi phí hoạt động kinh doanh	229.750.402.624	613.535.158.639	-383.784.756.015	-62,55%
Lợi nhuận trước thuế	-58.680.869.096	-394.344.728.269	335.663.859.173	-85,12%
Thuế TNDN	9.795.035.107	3.576.363.837	6.218.671.270	173,88%
Lợi nhuận sau thuế	-68.475.904.203	-397.921.092.106	329.445.187.903	-82,79%

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2024 giảm lỗ 329 tỷ ( tương đương -82,79%) so với năm 2023 là do: tổng doanh thu và thu nhập khác giảm 21,95% (-48,1 tỷ đồng), nhưng tổng chi phí 2024 giảm 62,55% (-383,8 tỷ đồng) và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 173,9% (6,2 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước:

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác biến động giảm chủ yếu là do: doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán giảm 76,2% (-22,5 tỷ đồng), doanh thu hoạt động tài chính giảm 78,7% (9,3 tỷ đồng), doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 22% (-8,8 tỷ đồng), doanh thu từ hoạt động tư vấn giảm 72,9% (-2,5 tỷ đồng), lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng nhẹ 5,6% (1,9 tỷ đồng), lãi từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) giảm nhẹ 1,7% (-1.6 tỷ đồng).

- Trong tổng chi phí có mức biến động giảm chủ yếu là do: chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 79,4% (-350 tỷ đồng), chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 17,5% (-21,65 tỷ đồng), chi phí bán hàng giảm 66,9% (-21 tỷ đồng), chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay giảm 229% (-2,7 tỷ đồng), chi phí hoạt động tư vấn giảm 27,68% (-1,5 tỷ đồng), chi phí nghiệp vụ lưu ký giảm 43,5% (-1,2 tỷ đồng), chi phí hoạt động tự doanh giảm 98% (-0,4 tỷ đồng).

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT







CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa tháp VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh,  
Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Số: 330 /2025/KTTC - TVSI

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ  
báo cáo kiểm toán năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Tuân thủ khoản 1 điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI) xin giải trình nguyên nhân đưa ra ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY. Cụ thể:

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho việc vi phạm hợp đồng mua lại Trái phiếu đến hạn nhưng không thực hiện khoảng 711 tỷ đồng (số đã trích lập tại 31/12/2023 khoảng 642,5 tỷ đồng) giá trị tối đa nghĩa vụ hợp đồng vi phạm theo tổng giá trị các hợp đồng mua lại là hơn 10.002 tỷ đồng vì cho rằng: Việc vi phạm của Công ty thuộc trường hợp bất khả kháng theo quy định trong hợp đồng nên trong quá trình giải quyết tranh chấp Công ty có thể thương lượng để không bị phạt vi phạm ở mức tối đa và Công ty chỉ bồi thường khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, TVSI chưa phải chi trả chi phí nào liên quan đến việc vi phạm các hợp đồng mua lại trái phiếu, cho thấy việc trích lập dự phòng nói trên là phù hợp và đảm bảo nguyên tắc thận trọng của kế toán.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của bản giải trình này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Trần Thị Cẩm Hạnh**